



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

KINH TẾ - XÃ HỘI

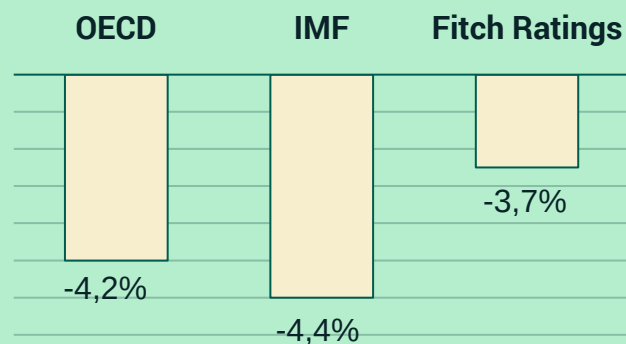
Quý IV và năm 2020



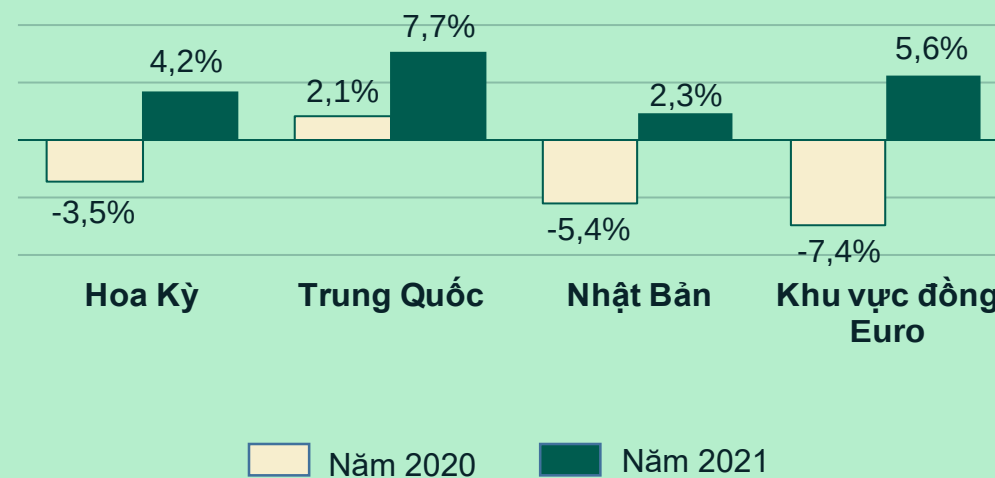
Hà Nội, 12/2020

Dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới

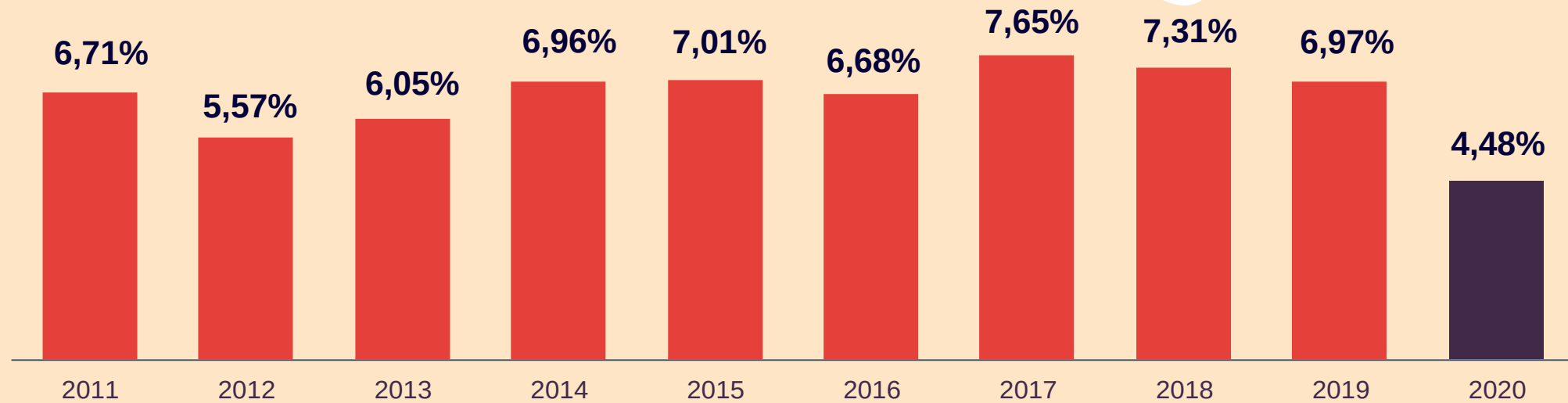
DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU



DỰ BÁO CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á (ADB)



Tốc độ tăng GDP quý IV các năm 2011-2020



+4,69%

Nông, lâm nghiệp
và thủy sản



+5,60%

Công nghiệp
và xây dựng



+4,29%

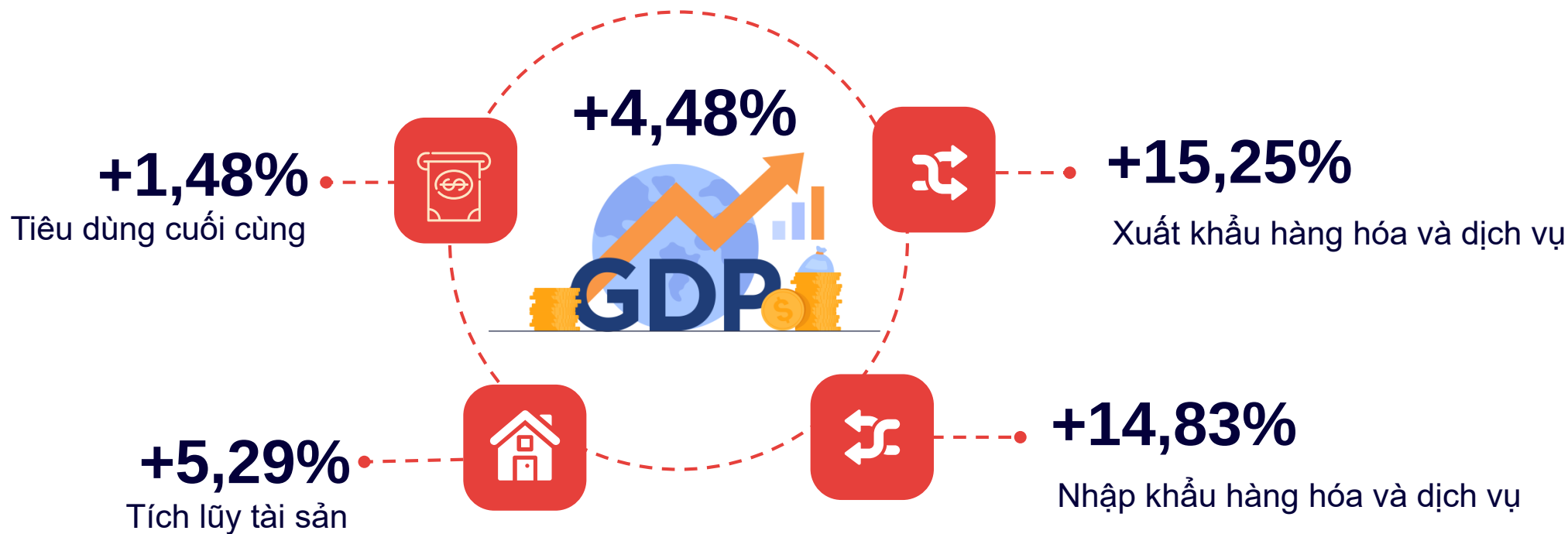
Dịch vụ



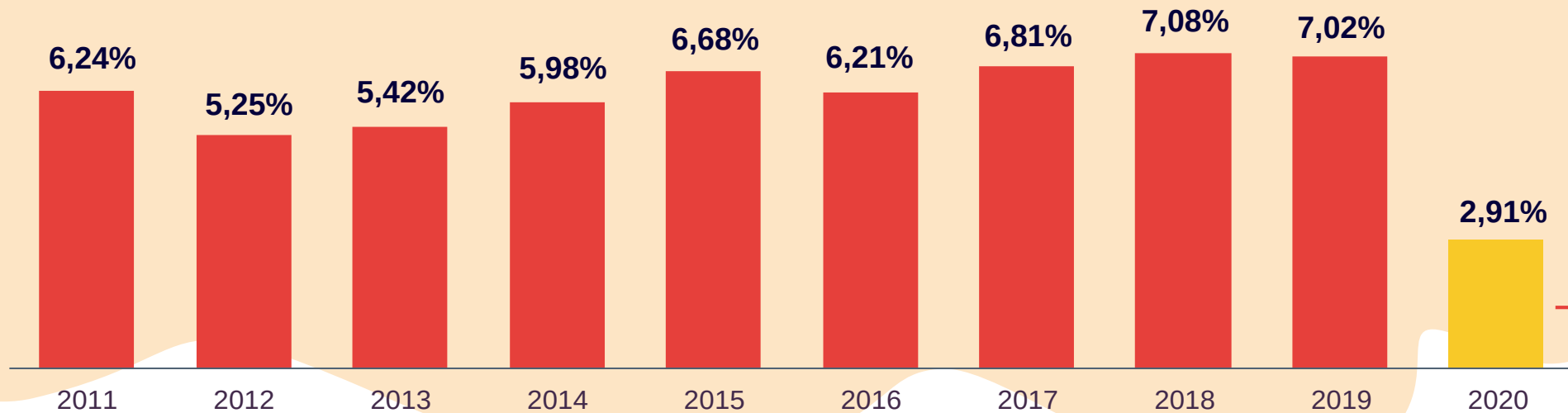
+1,07%

Thuế sản phẩm trừ
trợ cấp sản phẩm

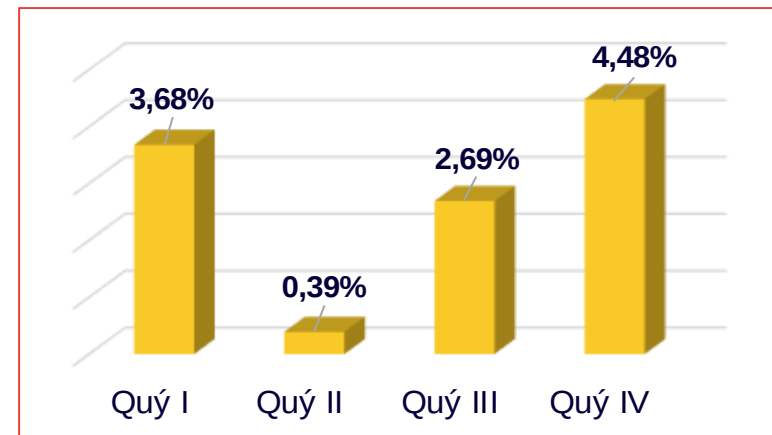
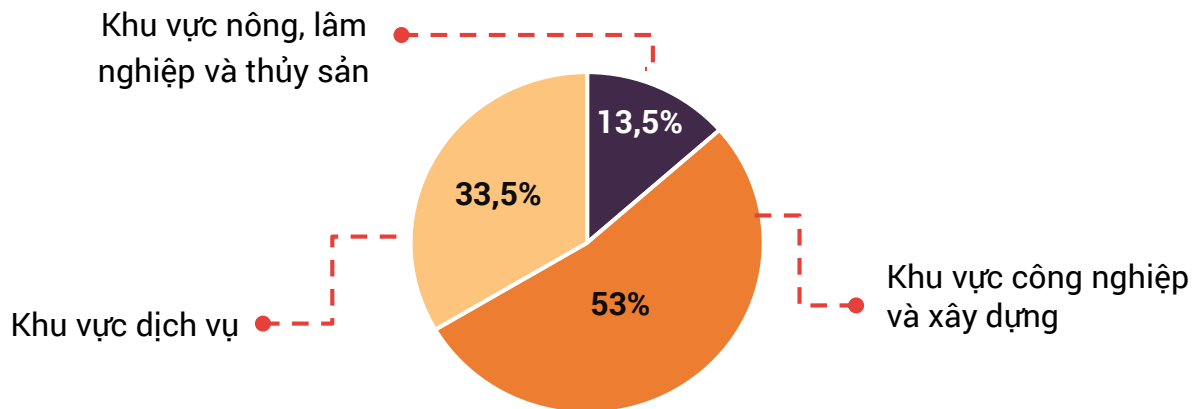
Tốc độ tăng các chỉ tiêu của GDP quý IV/2020 theo phương pháp sử dụng



Tốc độ tăng GDP các năm 2011-2020

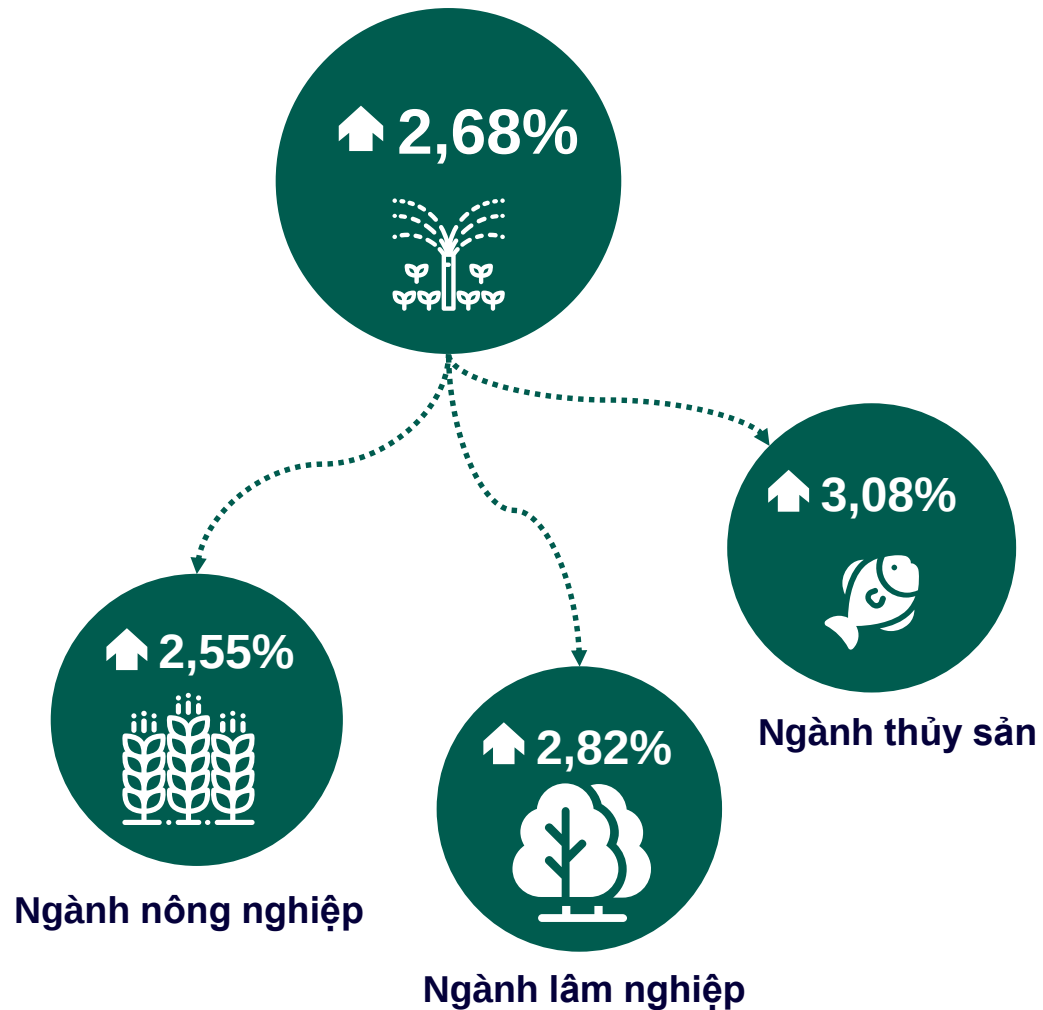


ĐÓNG GÓP CỦA 3 KHU VỰC VÀO TĂNG TRƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ

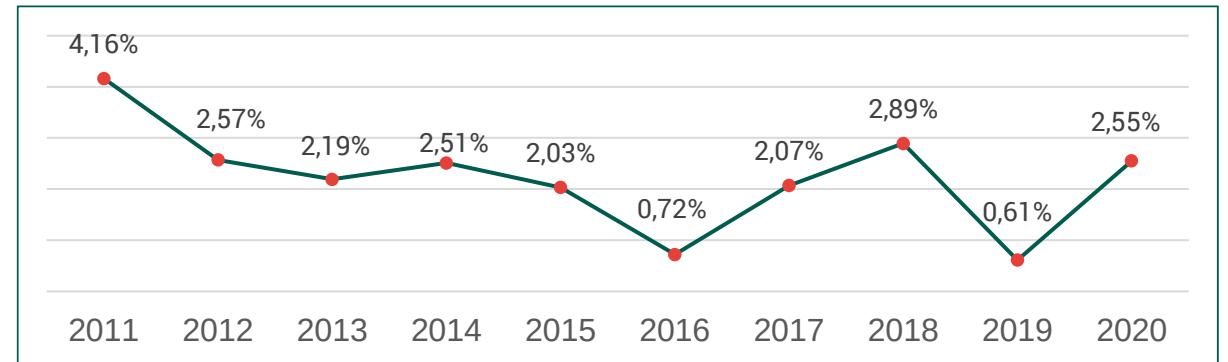


Tăng trưởng kinh tế năm 2020

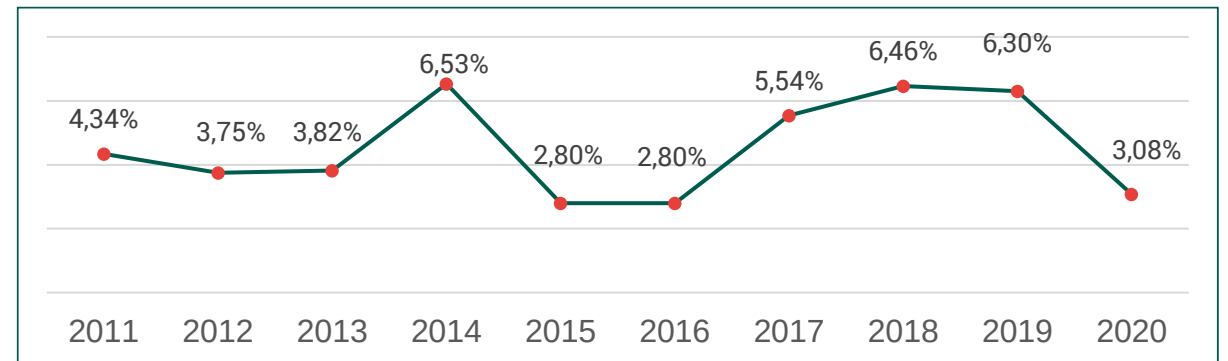
Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản



Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp các năm 2011-2020

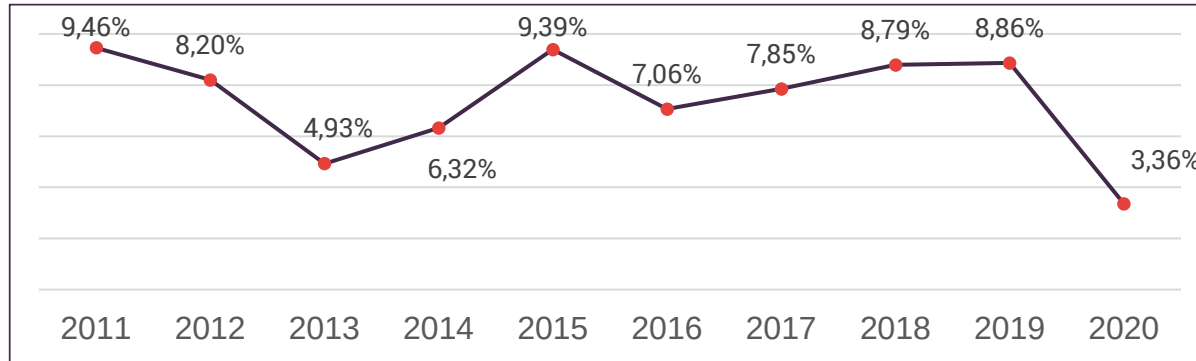


Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành thủy sản các năm 2011-2020

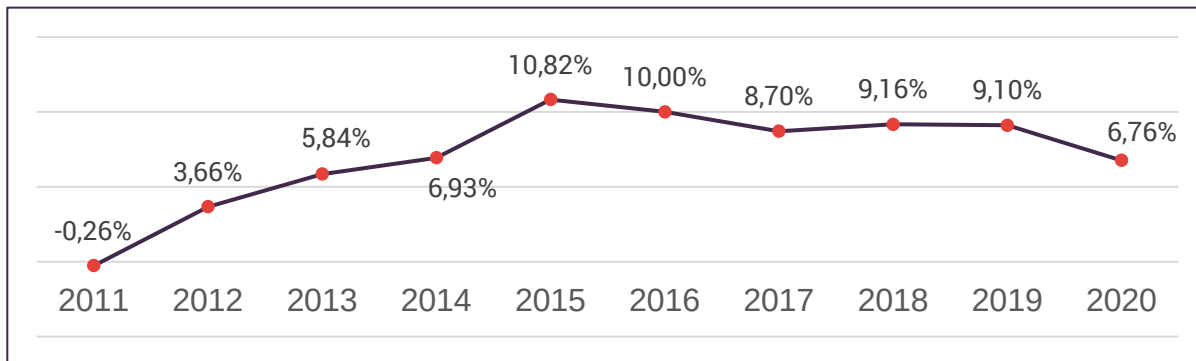


Tăng trưởng kinh tế năm 2020

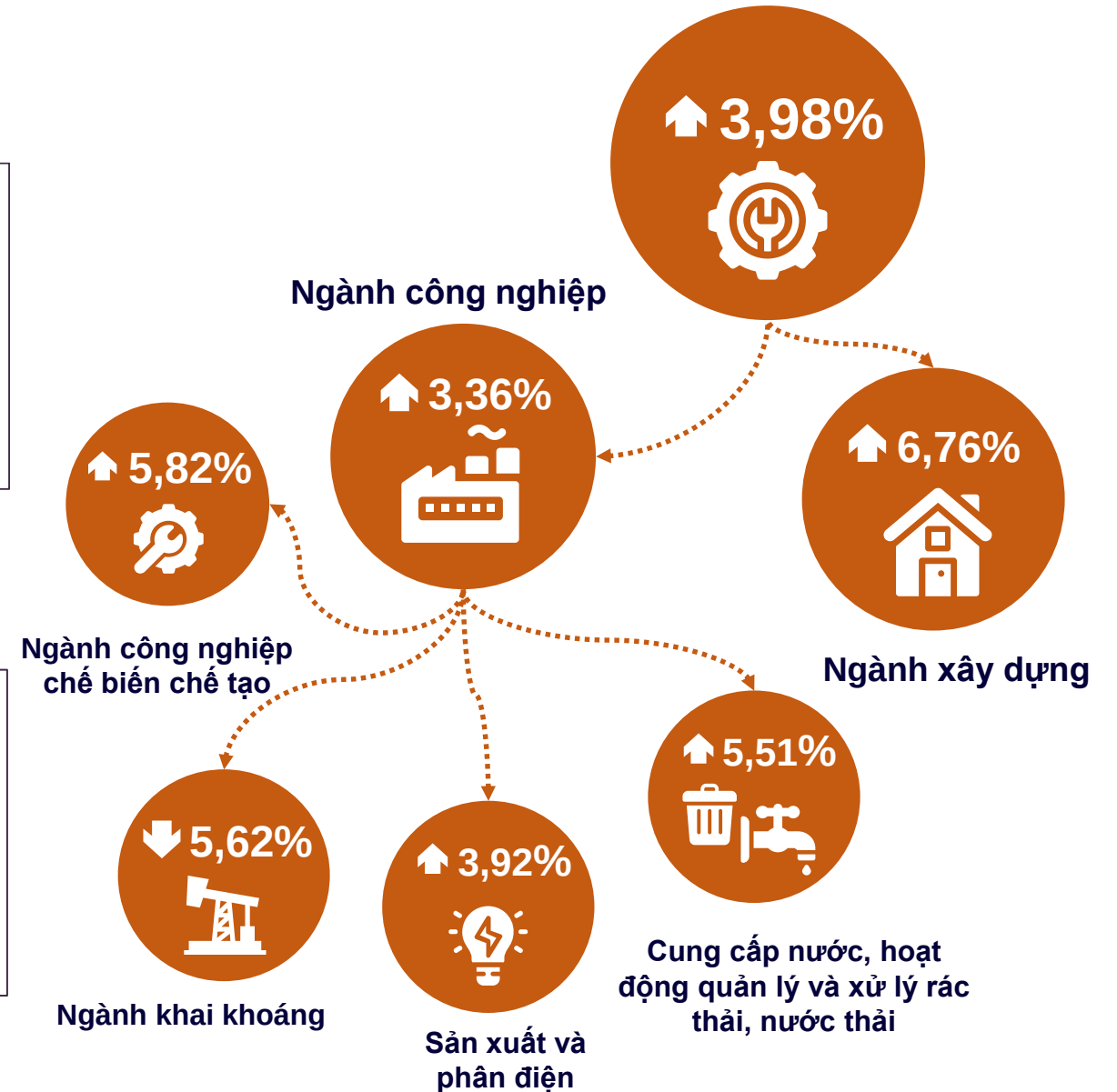
Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp các năm 2011-2020



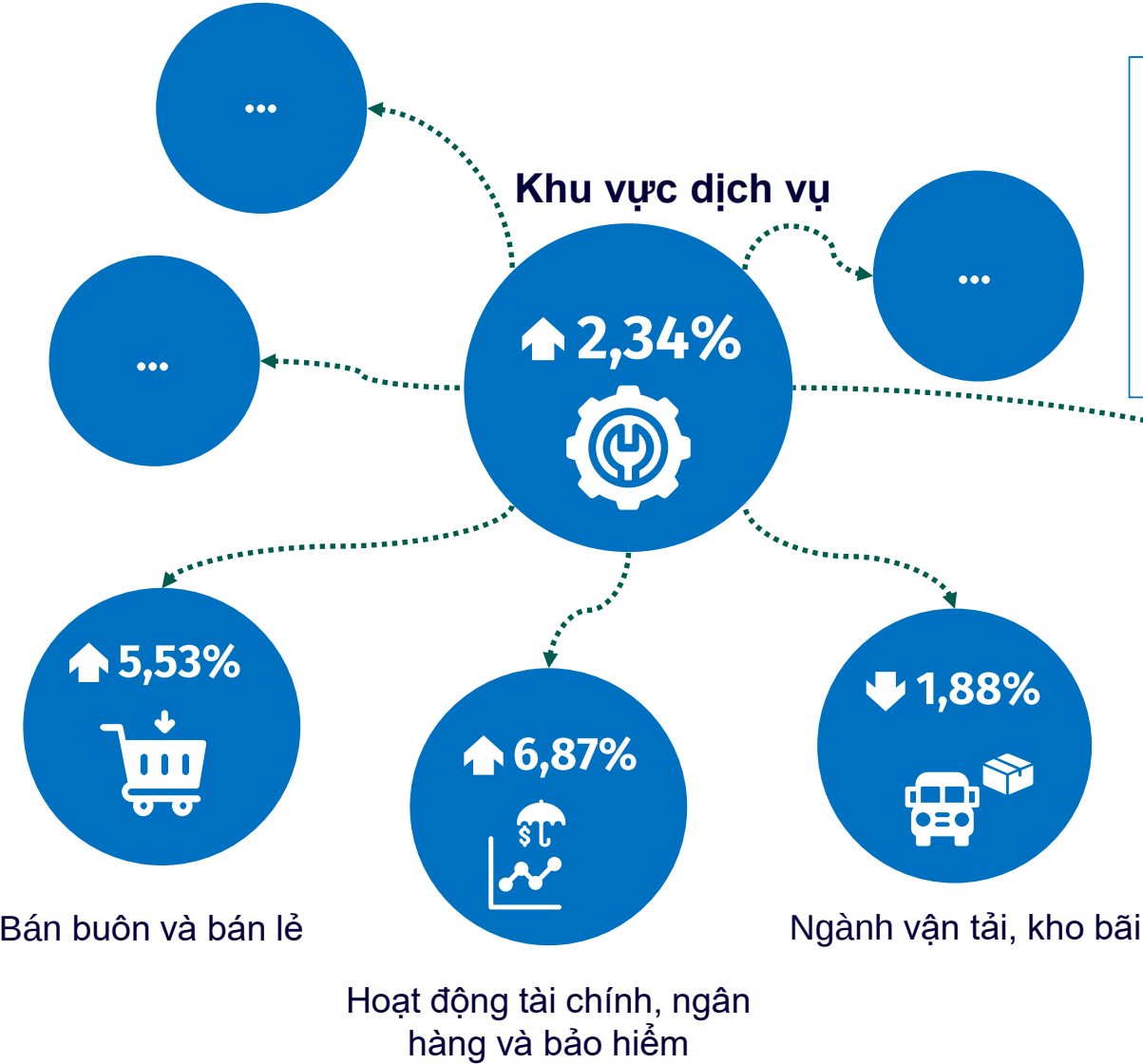
Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành xây dựng các năm 2011-2020



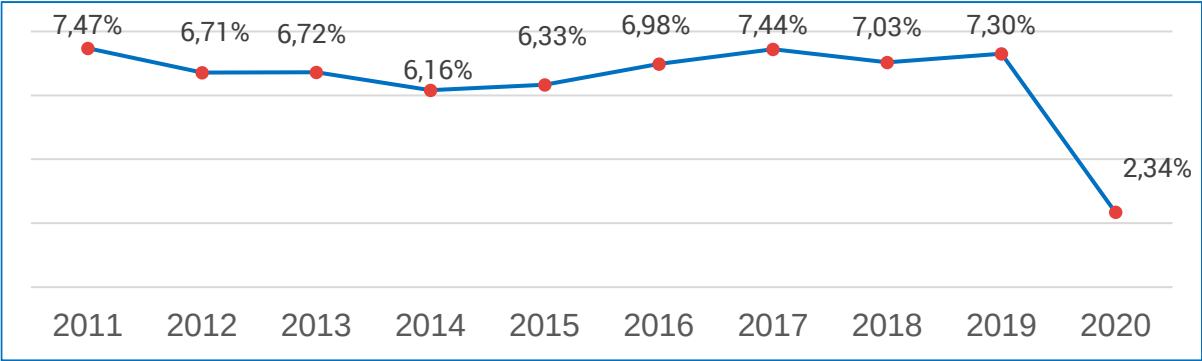
Khu vực công nghiệp và xây dựng



Tăng trưởng kinh tế năm 2020

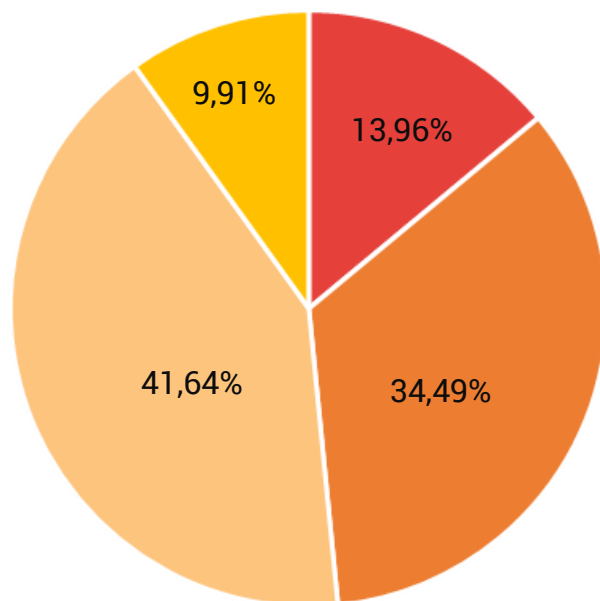


Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ các năm 2011-2020

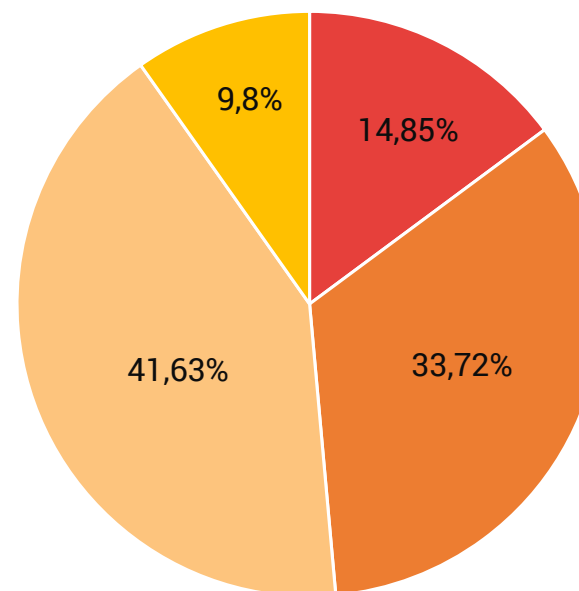


Cơ cấu nền kinh tế

NĂM 2019



NĂM 2020



Khu vực nông, lâm nghiệp
và thủy sản



Khu vực công nghiệp
và xây dựng

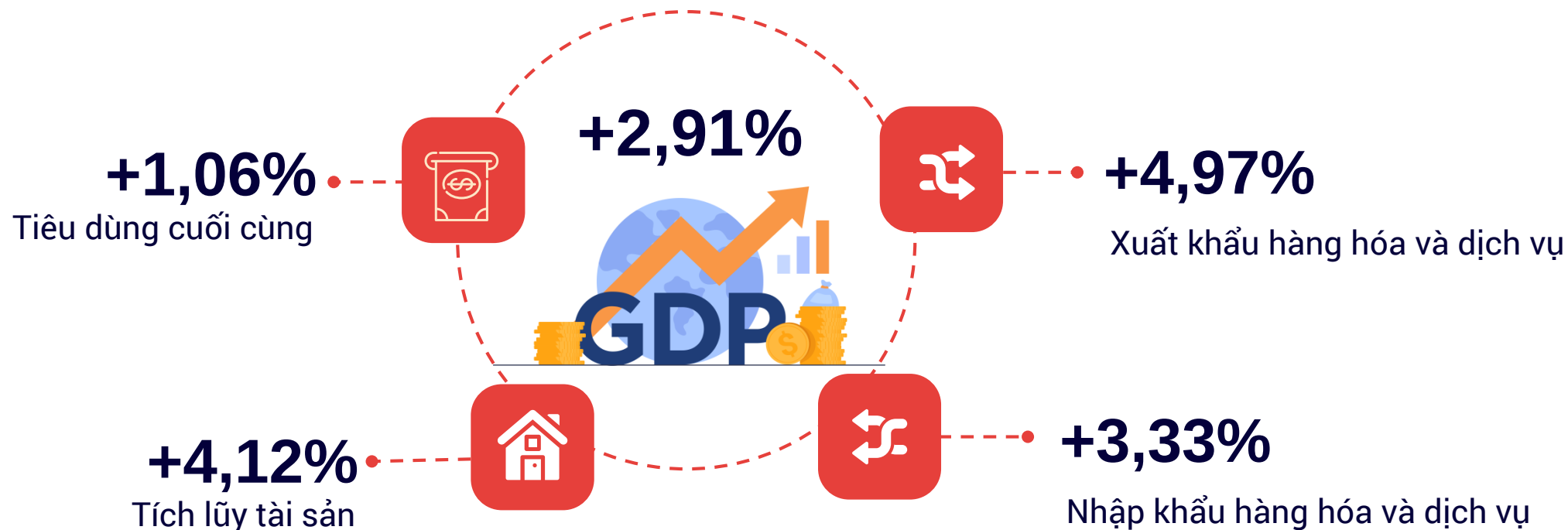


Khu vực dịch vụ



Thuế sản phẩm trừ
trợ cấp sản phẩm

Tăng trưởng các chỉ tiêu của GDP năm 2020 theo phương pháp sử dụng



Trồng trọt năm 2020

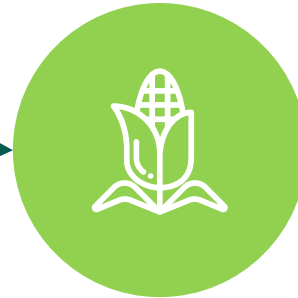
47,28 triệu tấn

Sản lượng lương thực có hạt



4,59 triệu tấn

Sản lượng ngô



58,7 tạ/ha

Năng suất lúa



42,69 triệu tấn

Sản lượng lúa

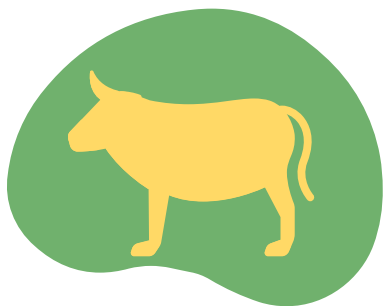


7,28 triệu ha

Diện tích lúa



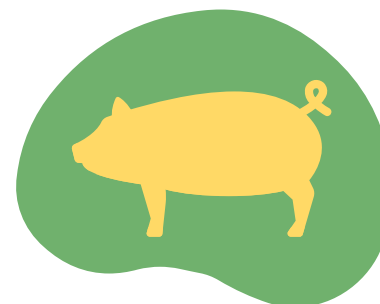
Chăn nuôi



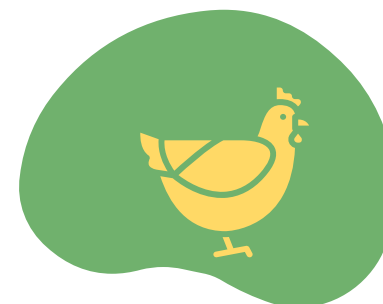
Trâu



Bò



Lợn



Gia cầm

Tổng đàn tháng
12/2020 so với cùng
thời điểm năm 2019

↓ **2,2%**

↑ **2,5%**

↑ **17%**

↑ **6%**

Sản lượng thịt hơi
năm 2020 so với
năm 2019

Sản lượng thịt trâu hơi
xuất chuồng đạt **95,8**
nghìn tấn, **tăng 1,4%**

Sản lượng thịt bò hơi
xuất chuồng đạt **371,5**
nghìn tấn, **tăng 4,6%**

Sản lượng thịt lợn hơi
xuất chuồng cả năm
đạt **3.474,9** nghìn tấn,
tăng 4,4%

Sản lượng thịt gia cầm
hơi xuất chuồng cả
năm đạt **1.453,7** nghìn
tấn, **tăng 11,6%**

Sản lượng trứng gia
cầm đạt **14,7** tỷ quả,
tăng 10,5%

Lâm nghiệp năm 2020

↑↓ (So với năm 2019)

260,5 nghìn ha
Diện tích rừng trồng tập trung
↓ 3,2%



16,9 triệu m³
Sản lượng gỗ khai thác
↑ 3,7%



18,9 triệu ste
Sản lượng củi khai thác
↓ 1%



645,3 ha
Diện tích rừng bị cháy
↓ 67,8%



819 ha
Diện tích rừng bị chặt phá
↑ 19,4%



Thủy sản năm 2020

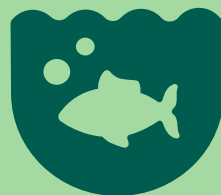
↑↓ (So với năm 2019)

↑ 1,8%



Sản lượng thủy sản
8.423,1 nghìn tấn

↑ 1,5%



Sản lượng thủy sản
nuôi trồng
4.559,2 nghìn tấn

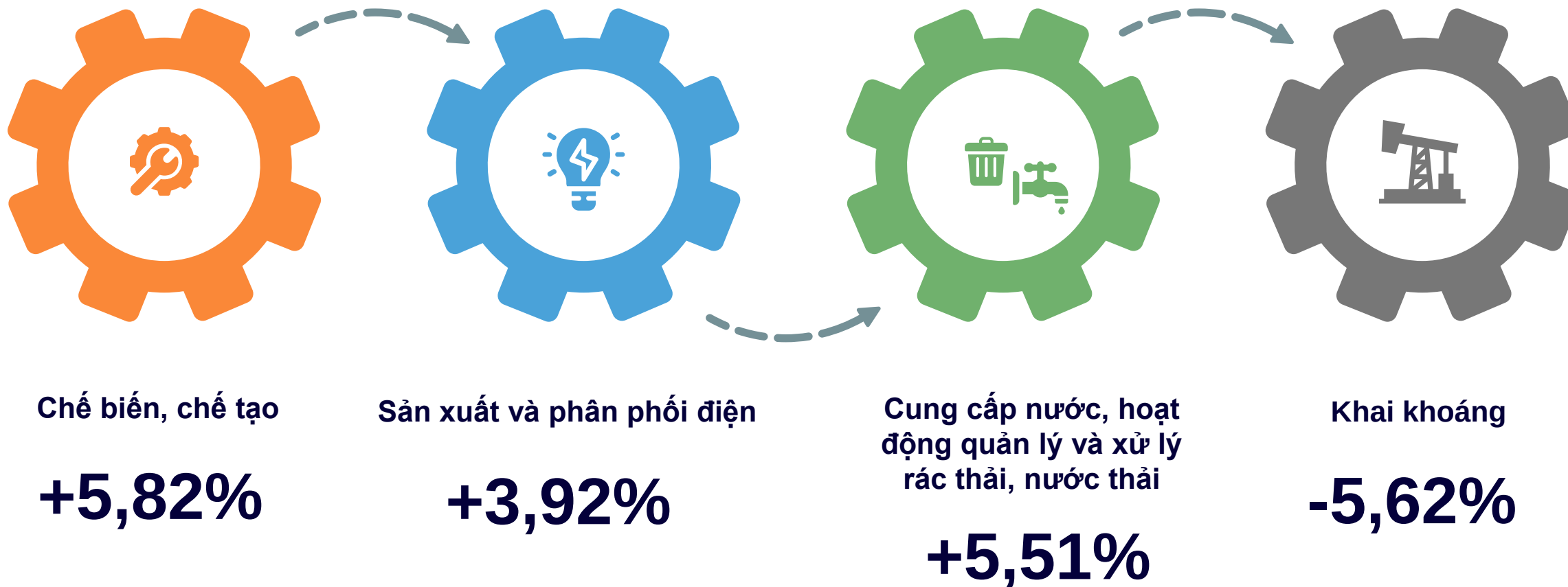
↑ 2,3%



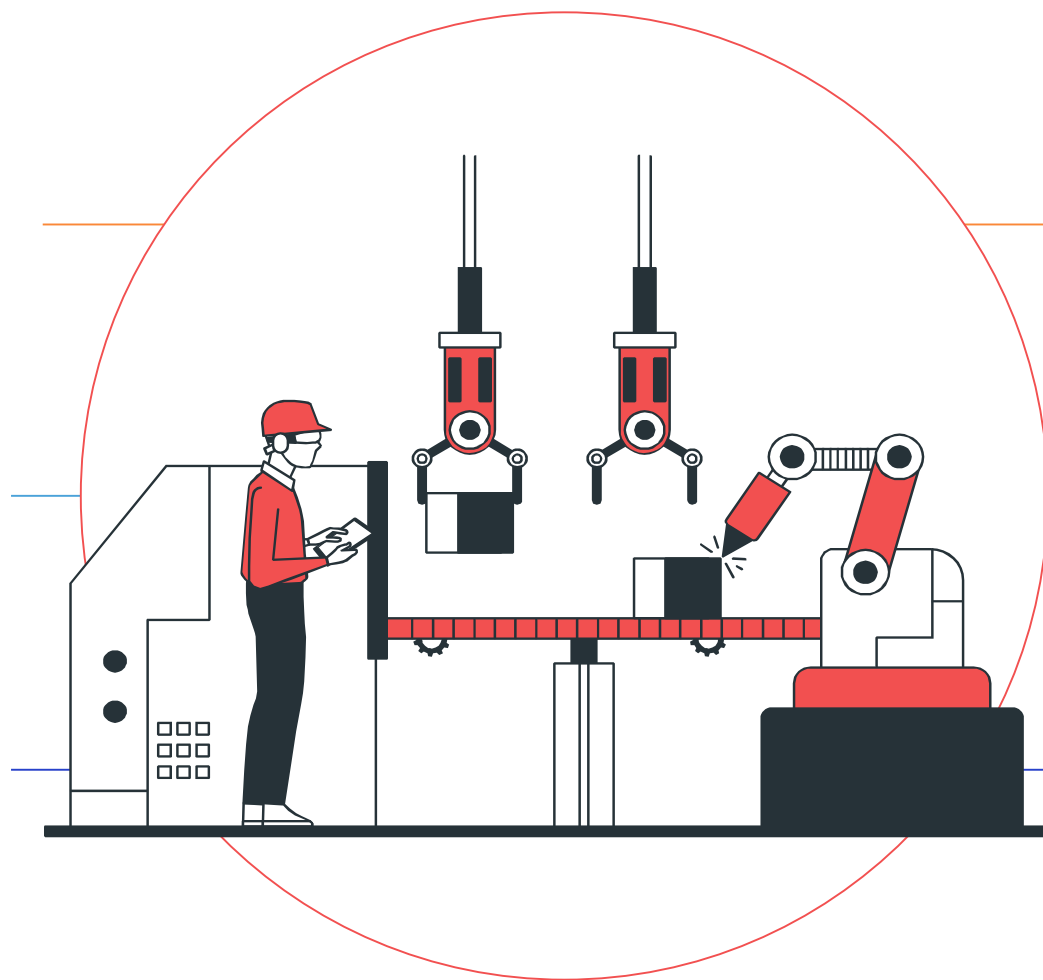
Sản lượng thủy sản
khai thác
3.863,9 nghìn tấn

Công nghiệp

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2020 ước tính **tăng 3,36%** so với năm trước.



Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp
chế biến chế tạo năm 2020
(so với năm 2019)

+3,3%

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp
chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm
30/12/2020
(so với cùng thời điểm năm 2019)

+25,3%

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp
chế biến, chế tạo năm 2020

71,9%

Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020

↑↓ (So với năm 2019)



134,9

Nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 2,3%



1.043

Nghìn lao động đăng ký, giảm 16,9%



2.235,6

Nghìn tỷ đồng vốn đăng ký, tăng 29,2%



44,1

Nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 11,9%



179,0

Nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 0,8%

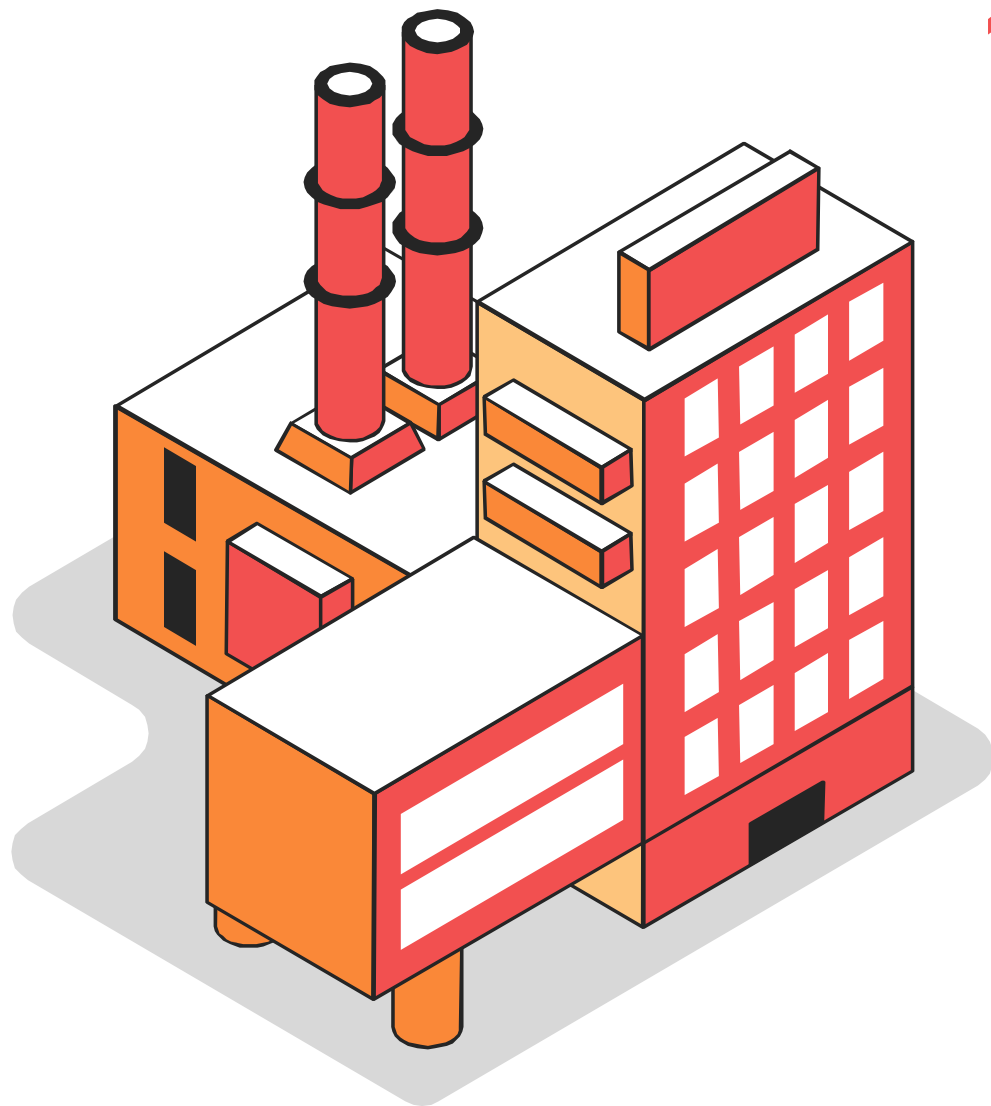


14,9

Nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trung bình mỗi tháng

Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020

↑ ↓ (So với năm 2019)



46,6

Nghìn doanh nghiệp tạm ngừng
kinh doanh có thời hạn



+62,2%

37,7

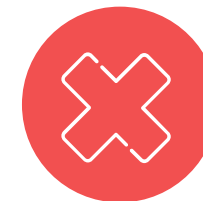
Nghìn doanh nghiệp ngừng
hoạt động chờ làm thủ tục giải thể



-13,8%

17,5

Nghìn doanh nghiệp hoàn tất
thủ tục giải thể



+3,7%

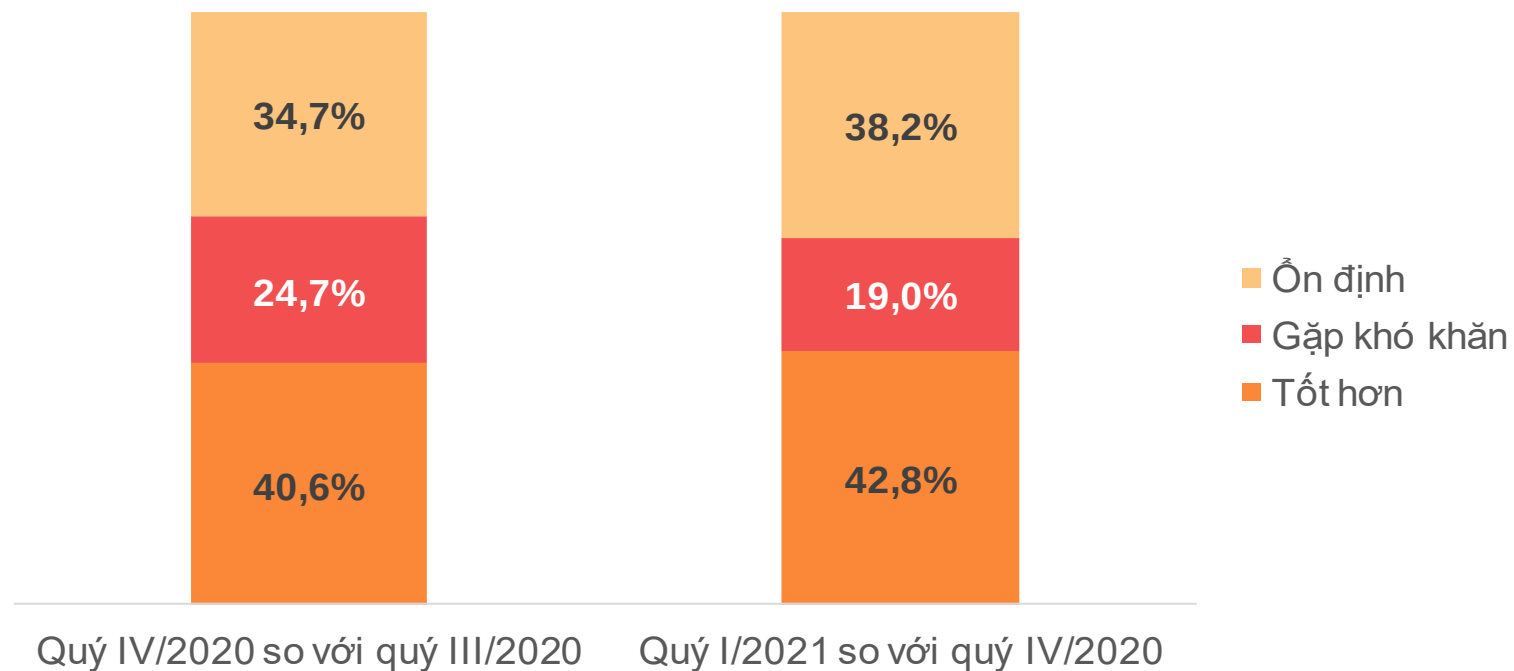
8,5

Nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi
thị trường trung bình mỗi tháng



+13,9%

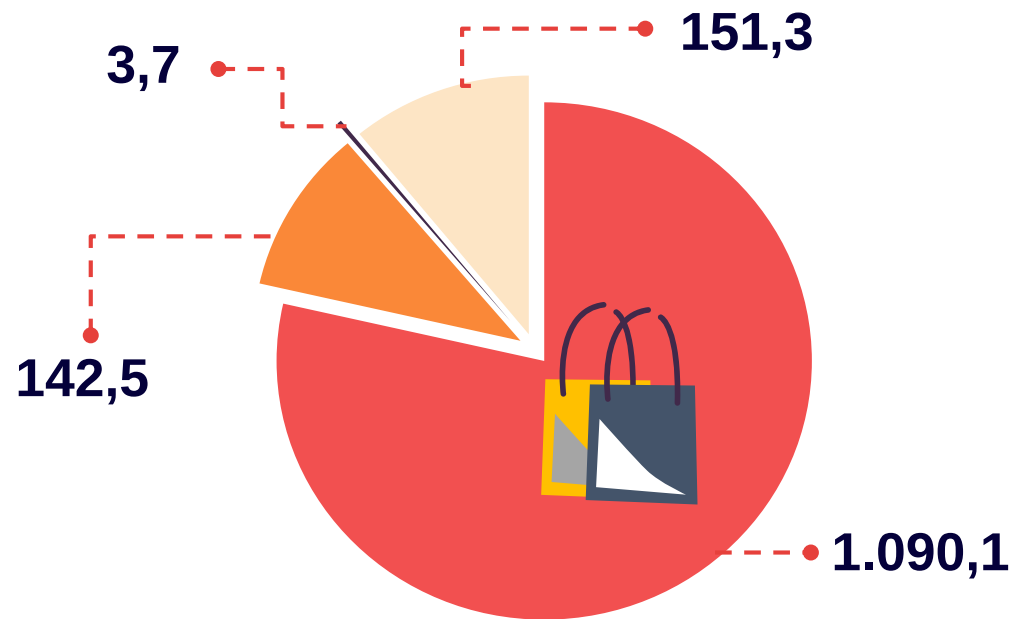
Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

(ĐVT: Nghìn tỷ đồng)

Quý IV



Bán lẻ hàng hóa



Dịch vụ ăn uống, lưu trú

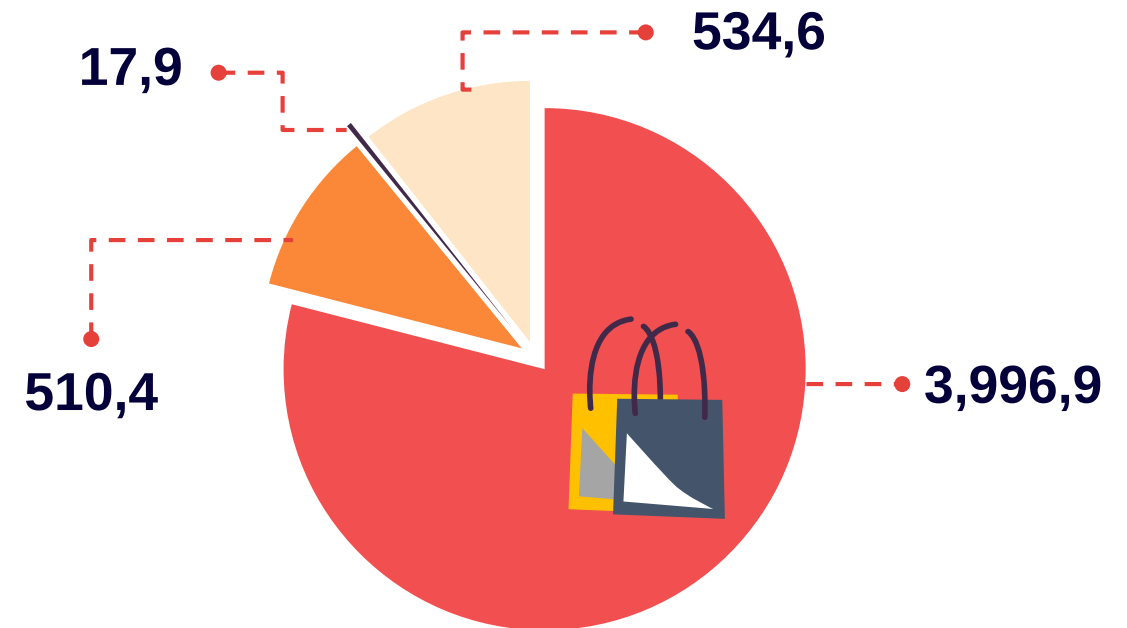


Du lịch lữ hành



Dịch vụ khác

Năm 2020



Vận tải năm 2020

↑↓ (So với năm 2019)



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

Vận chuyển **3.561,9 triệu lượt khách**

↓ 29,6%

Luân chuyển **163 tỷ lượt khách.km**

↓ 34,1%



VẬN TẢI HÀNG HÓA

Vận chuyển **1.774,6 triệu tấn hàng hóa**

↓ 5,2%

Luân chuyển **339,4 tỷ tấn.km hàng hóa**

↓ 6,7%

Khách quốc tế đến Việt Nam



Khách quốc tế đến nước ta trong tháng 12 đạt **16,3 nghìn lượt người**, giảm **99%** so với cùng kỳ năm trước.



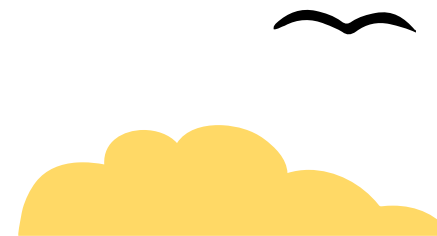
Tính chung năm 2020, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt **3.837,3 nghìn lượt người**, giảm **78,7%** so với năm trước.





Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020

↑ ↓ (So với năm 2019)



Đường hàng không

3.083,2 nghìn lượt
khách, **giảm 78,6%**



Đường bộ

609,4 nghìn lượt
khách, **giảm 81,9%**



Đường biển

144,7 nghìn lượt
khách, **giảm 45,2%**





Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2020

↑ ↓ (So với năm 2019)



Châu Á

2.813,6 nghìn lượt khách, **giảm 80,4%**



Châu Âu

671,9 nghìn lượt khách, **giảm 69%**



Châu Mỹ

236,5 nghìn lượt khách, **giảm 75,7%**



Châu Úc

102,8 nghìn lượt khách, **giảm 76,2%**



Châu Phi

12,5 nghìn lượt khách, **giảm 73,9%**



Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán



Tổng phương tiện thanh toán năm 2020 **tăng 12,56%** so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%);
(tính đến 21/12/2020)



Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý IV/2020 **tăng 16%**
(so với cùng kỳ năm trước)



Tổng mức huy động vốn của nền kinh tế cho thị trường chứng khoán đạt **383,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20%** so với cùng kỳ năm trước
(tính đến 17/12/2020)



Tăng trưởng tín dụng nền kinh tế đạt **10,14%** so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%)
(tính đến 21/12/2020)

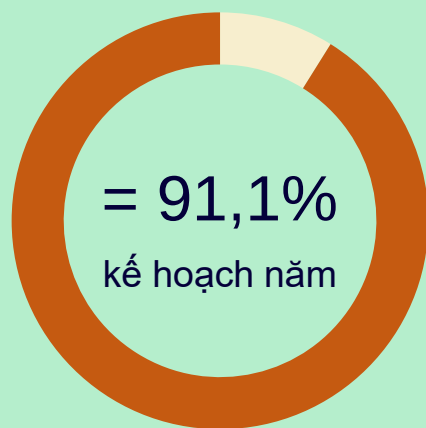


Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm năm 2020 **tăng 17%**
(so với năm trước)

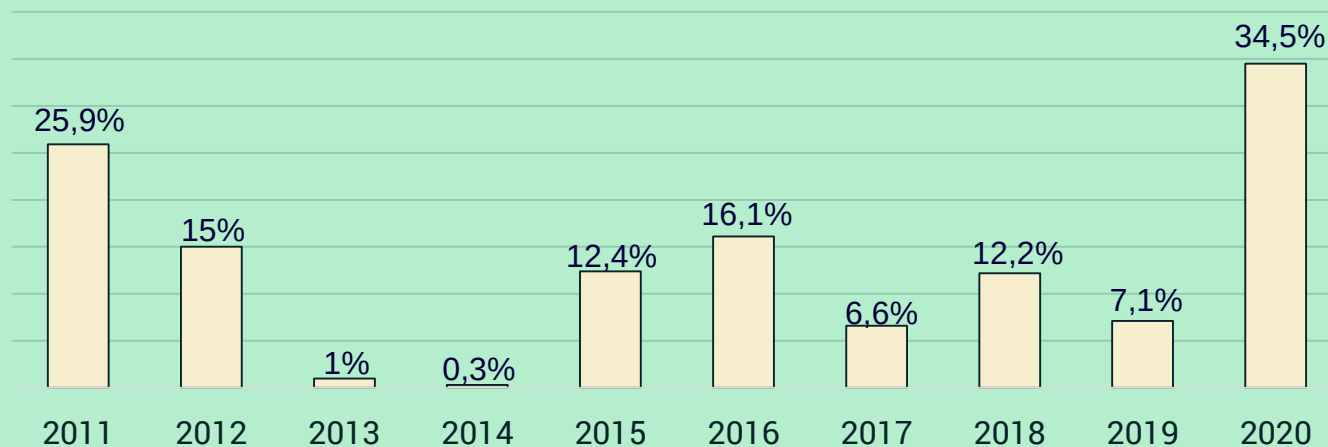
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2020



Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

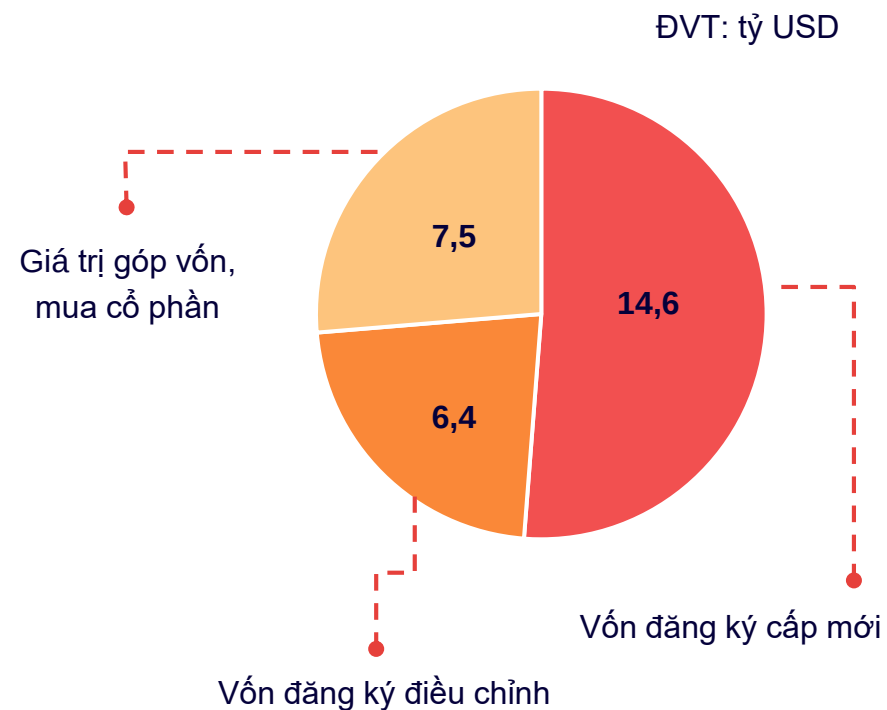


Tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước các năm 2011-2020



Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (tính đến 20/12/2020)

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt **28,5 tỷ USD**, **giảm 25%** so với năm 2019.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần **20 tỷ USD**, **giảm 2%** so với năm trước.



Xuất khẩu hàng hóa



THÁNG 12

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 12/2020 ước tính đạt **26,5 tỷ USD** và **tăng 17,6%** so với cùng kỳ năm 2019.

NĂM 2020



Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt **281,5 tỷ USD** và **tăng 6,5%** so với năm 2019

Khu vực kinh tế trong nước đạt **78,2 tỷ USD**, **giảm 1,1%**.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt **203,3 tỷ USD**, **tăng 9,7%**.

Nhập khẩu hàng hóa



THÁNG 12

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2020 ước tính đạt **27,5 tỷ USD** và **tăng 22,7%** so với cùng kỳ năm 2019.

NĂM 2020



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt **262,4 tỷ USD** và **tăng 3,6%** so với năm 2019.

Khu vực kinh tế trong nước đạt **93,6 tỷ USD**, **giảm 10%**.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt **168,8 tỷ USD**, **tăng 13%**.

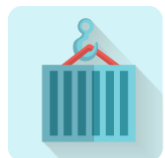
Xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2020



Tổng kim ngạch
xuất, nhập khẩu
hàng hóa

543,9 TỶ USD

 **5,1%**
so với năm 2019



Cán cân thương
mại hàng hóa

XUẤT SIÊU

19,1 TỶ USD

Xuất, nhập khẩu dịch vụ năm 2020

Xuất khẩu	6,3 tỷ USD	↓ 68,4% so với năm 2019
Nhập khẩu	18,3 tỷ USD	↓ 14,5% so với năm 2019
Nhập siêu	12 tỷ USD	↑ 10,5 tỷ USD so với năm 2019

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

CPI tháng 12/2020
so với tháng 11/2020

+0,1%

CPI tháng 12/2020
so với tháng 12/2019

+0,19%

Lạm phát cơ bản
năm 2020 so với năm 2019

+2,31%

CPI năm 2020 so với
năm 2019

+3,23%



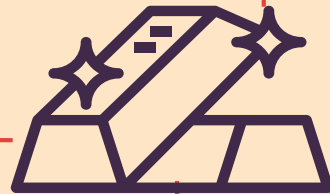
Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

+30,95%

Chỉ số giá vàng tháng 12/2020
so với cùng kỳ năm trước

-0,83%

Chỉ số giá vàng tháng 12/2020
so với tháng trước



+28,05%

Chỉ số giá vàng
năm 2020 so với năm 2019

-0,23%

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2020
so với tháng trước

-0,09%

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2020
so với cùng kỳ năm trước



-0,02%

Chỉ số giá đô la Mỹ
năm 2020 so với năm 2019

Một số tình hình xã hội năm 2020

Dân số, lao động và việc làm

DÂN SỐ TRUNG BÌNH

97,58 triệu người

DÂN SỐ NAM

48,59 triệu người

DÂN SỐ NỮ

48,99 triệu người

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG
TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN

54,6 triệu người

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP CHUNG

2,26%

TỶ LỆ THIẾU VIỆC LÀM
CỦA LAO ĐỘNG
TRONG ĐỘ TUỔI

2,51%

Một số tình hình xã hội năm 2020

Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

THU NHẬP BÌNH QUÂN
ĐẦU NGƯỜI/THÁNG

4.190 nghìn đồng

16,5 nghìn

LƯỢT HỘ THIẾU ĐÓI

66,5 nghìn

LƯỢT NHÂN KHẨU
THIẾU ĐÓI

HỖ TRỢ
HỘ THIẾU ĐÓI

733,6 tấn gạo

TỶ LỆ NGHÈO
TIẾP CẬN ĐA CHIỀU

4,7%

Một số tình hình xã hội năm 2020

Tình hình dịch bệnh, tai nạn giao thông và thiệt hại do thiên tai



Một số giải pháp chủ yếu

1. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, phục hồi kinh tế, cải cách quy trình, thủ tục để doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ đơn giản, thuận tiện, kịp thời. Hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc tìm thị trường nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu, phụ tùng, linh kiện thay thế nhằm vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Một số giải pháp chủ yếu

2. Ban hành và thực thi các giải pháp mang tính đột phá, tạo áp lực để các tổ chức kinh tế tiếp cận, ứng dụng công nghệ, từng bước nâng cao năng lực đổi mới, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức đúng và thực thi phương châm: “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam”. Chú trọng phát triển thị trường trong nước, chủ động kết nối, phát triển các kênh phân phối sản phẩm hàng hóa của Việt Nam. Đồng thời, vận động người dân ưu tiên dùng hàng trong nước, ủng hộ doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Một số giải pháp chủ yếu

3. Điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất, tỷ giá linh hoạt, thận trọng, phù hợp với diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chủ động phòng ngừa và hạn chế những bất ổn của thị trường thế giới tác động tiêu cực đến thị trường trong nước. Tăng trưởng tín dụng đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh.

Một số giải pháp chủ yếu

4. Kích cầu đầu tư trong khối doanh nghiệp sản xuất cho xuất khẩu để chủ động nguồn hàng khi thị trường các nước trên thế giới mở lại bình thường và tận dụng cơ hội từ Hiệp định Thương mại tự do châu Âu - Việt Nam. Nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, gồm cả ngành sản xuất sản phẩm phải nhập khẩu hiện nay và ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao để giảm áp lực nhập khẩu yếu tố đầu vào.

Một số giải pháp chủ yếu

5. Xây dựng định hướng cụ thể về thị trường đầu ra trên cơ sở đẩy mạnh mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ gia đình và doanh nghiệp, tạo ra sản phẩm nông sản sạch theo các hợp đồng bao tiêu ổn định và có tính pháp lý cao là yếu tố quan trọng bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp đứng vững khi tham gia cạnh tranh với các nước trong giai đoạn hội nhập là. Để cải thiện việc tiêu thụ nông sản, bên cạnh việc làm tốt công tác xây dựng chiến lược từ khâu lựa chọn cây, con đến khâu sản xuất thì cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tin về thị hiếu thị trường, giá cả sản phẩm cũng như thông tin về các chính sách đến tận người nông dân để sản phẩm được tiêu thụ hiệu quả hơn. Tăng cường xuất khẩu nông sản đã qua chế biến, áp dụng và đổi mới công nghệ trong nuôi trồng, chế biến để tăng năng suất và nâng cao chất lượng, tăng tính cạnh tranh đối với những mặt hàng nông sản xuất khẩu.

Một số giải pháp chủ yếu

6. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

Trân Trọng Cảm Ơn!

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Địa chỉ: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 73046666

Website: www.gso.gov.vn

